

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đăng Duy.

2. Bà Phạm Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/HNGĐ-QĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn U, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N kết hôn với anh Lê Văn U vào năm 2009; trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc. Đến năm 2010, hai vợ chồng vào tỉnh Lâm Đồng để làm ăn. Anh Lê Văn U thường xuyên đánh đập, chửi bới, không tu chí làm ăn, hay đi uống rượu, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2018, anh Lê Văn U chuyển về Thôn K, xã H, huyện B sinh sống. Sau khi hai vợ chồng về địa phương vẫn thường xuyên mâu thuẫn; anh Lê Văn U không lo toan cho gia đình, mọi công việc đều do chị Nông Thị N đảm nhiệm. Đến cuối năm 2020 thì chị Nông Thị N chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh Lê Văn U từ đó đến nay. Đến ngày 31/5/2022, chị Nông Thị N về đón con về bên ngoại chơi nhưng đi được nửa đường thì anh Lê Văn U cầm dao theo và dọa chém; sau đó ba mẹ con quay lại nhà và phải trình báo trưởng thôn và công an xã đến làm việc thì anh Lê Văn U mới cho về bên nhà ngoại chơi. Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nông Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn U.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Lê Minh V, sinh ngày 03/10/2013 và Lê Quỳnh T, sinh ngày 12/9/2019. Khi ly hôn, chị Nông Thị N yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi cháu Lê Quỳnh T, anh Lê Văn U có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Minh V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Lê Văn U không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tại nơi cư trú; anh Lê Văn U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn U và chị Nông Thị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2009. Hai vợ chồng chung sống bình thường và làm ăn tại tỉnh Lâm Đồng được khoảng 10 năm. Đến năm 2017 thì hai vợ chồng cùng về địa phương tại Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn làm ăn sinh sống. Đến năm 2021, anh Lê Văn U lại vào tỉnh Lâm Đồng làm ăn được khoảng 10 tháng thì quay về địa phương. Còn chị Nông Thị N đi làm công nhân từ năm 2017, thì thoảng về thăm con tại Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống không có sự việc đánh đập, chửi bới. Từ đầu năm 2020, chị Nông Thị N về bên nhà mẹ đẻ tại xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn sinh sống và sống ly thân từ đó đến nay. Còn sự việc ngày 31/5/2022, chị Nông Thị N đi làm công ty về qua đón con Lê Minh V, khi đón chị Nông Thị N không nói gì với anh Lê Văn U nên anh bức tức, nói to tiếng, không có việc đánh đập chị Nông

Thị N. Nay chị Nông Thị N yêu cầu ly hôn, anh Lê Văn U không đồng ý vì các con còn nhỏ, sẽ ảnh hưởng tới tâm lý các con.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Lê Minh V, sinh ngày 03/10/2013 và Lê Quỳnh T, sinh ngày 12/9/2019. Trong trường hợp ly hôn, anh Lê Văn U đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Minh V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); còn chị Nông Thị N trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi cháu Lê Quỳnh T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án xác minh với đại diện Thôn K, xã H, huyện B và Công an xã H, huyện B đều khẳng định anh Lê Văn U có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã H, huyện B và có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành giao các giấy triệu tập, thông báo đến tận tay cho anh Lê Văn U thông qua Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình và có biên bản giao nhận. Anh Lê Văn U cũng thừa nhận đã nhận được hết các thông báo và giấy triệu tập nhưng do không công việc bận nên anh Lê Văn U không ra Tòa án trình bày quan điểm của mình được, anh không thắc mắc, khiếu nại gì về quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Qua xác minh, đại diện gia đình anh Lê Văn U cho biết chị Nông Thị N và anh Lê Văn U tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2009. Sau khi kết hôn anh Lê Văn U và chị Nông Thị N vào tỉnh Lâm Đồng làm ăn sinh sống. Đến năm 2016, chị Nông Thị N trở về địa phương và đi làm công nhân. Còn anh Lê Văn U vẫn sinh sống tại tỉnh Lâm Đồng đến năm 2017 thì trở về địa phương. Thời gian chung sống thực tế tại gia đình của hai vợ chồng ít nên không có tài sản chung, tài sản riêng. Quá trình đi làm công ty chị Nông Thị N có thi thoảng gửi tiền về nuôi con. Hiện nay, cháu Lê Minh V sinh sống cùng bố, còn cháu Lê Quỳnh T sinh sống cùng mẹ. Gia đình không có ý kiến gì về việc chị Nông Thị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn U. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Lê Văn U không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn chị Nông Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Nông Thị N đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các

Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Văn U vắng mặt tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do vậy, anh Lê Văn U không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị N. Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh T, sinh ngày 12/9/2019 cho chị Nông Thị N trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Lê Minh V, sinh ngày 03/10/2013 cho anh Lê Văn U trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nông Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nông Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn U có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Lê Văn U vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn U là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nông Thị N và anh Lê Văn U là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Lê Văn U là hợp pháp. Nguyên đơn chị Nông Thị N trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, chửi bới, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Chị Nông Thị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay; phù hợp với tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án. Như vậy,

tình trạng hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Lê Văn U đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nông Thị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn U là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Có hai người con chung là Lê Minh V, sinh ngày 03/10/2013 và Lê Quỳnh T, sinh ngày 12/9/2019. Hiện nay, cháu Lê Minh V đang sinh sống với anh Lê Văn U. Cháu Lê Quỳnh T đang sinh sống với chị Nông Thị N. Ngoài ra, cháu Lê Quỳnh T dưới ba tuổi nên yêu cầu về nuôi con chung của chị Nông Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Còn cháu Lê Minh V có nguyện vọng ở cùng bố là anh Lê Văn U. Vì vậy, giao cháu Lê Minh V cho anh Lê Văn U, cháu Lê Quỳnh T cho chị Nông Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên đều có ý kiến không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Nông Thị N và anh Lê Văn U trình bày là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nông Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005550 ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Lê Văn U.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh V, sinh ngày 03/10/2013 cho anh Lê Văn U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Lê Quỳnh T, sinh ngày 12/9/2019 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nông Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005550 ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nông Thị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Văn U vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt